TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **THÀNH PHỐ THÀNH CH ÍMINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08 -01 -2019
V/v tranh chấp*: "Ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, THÀNH PHỐ HỒ CH ÍMINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Phước Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên.

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thọ -Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện B, Thành phố H – Ông Võ Kim Cường tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, Thành Phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1284/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 528/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Văn Thị Kim L; sinh năm 1980; Cư trú tại số 29 Lô 1, ấp 1, xã Tân Bửu, huyện B, tỉnh L.

(Bà L có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Võ Huy B; sinh năm 1981; cư trú tại tại C9/ 32, ấp 3, xã B, huyện B,Thành phố H. Hiện tạm trú tại C15/42, ấp 3, xã B, huyện B,Thành phố H

(Ông B có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 09 năm 2018, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ nguyên đơn bà Văn Thị Kim L trình bày: Bà và ông Võ Huy B chung sống vợ chồng từ năm 2001, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 147/KH, quyển số 01/2001 ngày 10/09/2001 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, cấp. Vợ chồng chung được một thời gian và có 01 con chung là Võ Huy Hòa,

sinh ngày 01/03/2000, hiện đã trưởng thành và đang sống với gia đình ông bà nội cùng cha là ông B. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau về tính tình và quan điểm sống, ông Võ Huy B không lo làm ăn phụ bà nuôi con mà thường xuyên ăn chơi nghiện ma túy và đi cai nghiện nhiều lần nhưng vẫn tái nghiện, mặc dù bà đã cố gắng nhiều lần hòa giải khuyên bảo nhưng ông B không thay từ đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, từ năm 2018 bà đã bỏ ra ngoài thuê nhà sống với con và từ đó vợ chồng chính thức ly thân và không ai còn quan tâm đến ai trong thời gian Tòa án giải quyết việc ly hôn.

Nay, bà xác định không còn tình cảm với ông Võ Huy B và cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu tòa án xử cho bà được ly hôn để bà ổn định cuộc sống riêng làm ăn nuôi con.

Về con chung: Có 01 con chung là Võ Huy Hòa, sinh ngày 01/03/2000, hiện đã trưởng thành đang sống cùng với gia đình ông bà nội và cùng cha là ông B.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định không có nợ ai và không cho ai vay nợ.

- Bị đơn ông Võ Huy B trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp và hòa giải, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt triệu tập ông B đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông B không tham gia vì vậy Tòa án lập biên bản ghi nhận sự việc, tiến hành các thủ tục niêm yết để xét xử vắng mặt ông Võ Huy B theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn bà Văn Thị Kim L vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Võ Huy B yêu cầu tiếp tục được nuôi con, bà tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung bà xác định không có, nợ chung bà xác định không có.

- Bị đơn ông Võ Huy B có mặt tại phiên tòa và trình bày, ông cũng xác nhận những nội dung trình bày của bà Văn Thị Kim L về quan hệ vợ chồng, việc đăng ký kết hôn, con chung và những mâu thuẫn theo bà L trình bày là đúng sự thật, do ông bị nhiễm nặng nên bà L bỏ ra ngoài sống từ năm 2015 và hiện gia đình mẹ ruột ông phải chăm sóc ông, tuy nhiên ông còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn.

- Đại diện Viện Kiểm Sát Nhân Dân, huyện B, Thành phố H có ý kiến quan điểm về tố tụng và nội dung qua quá trình kiểm sát cụ thể:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử : Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, như thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng, việc xác định thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến Điều 97 BLTTDS.Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho VKS và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 BLTTDS. Quyết định đưa vụ án ra xét

xử đã gửi cho Viện KSND huyện B, thời hạn gửi hồ sơ cho VKS nghiên cứu đúng hạn.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại Điều 63 BLTTDS; tiến hành thủ tục khai mạc phiên tòa, thủ tục hỏi theo đúng quy định tại các Điều 239, Điều 249 BLTTDS; xét xử trực tiếp, bằng lời nói theo quy định tại Điều 225 BLTTDS. Tại phiên tòa đương sự không có ý kiến về việc thay đổi những người tham gia tố tụng.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS. Đối với bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, bị đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình vi phạm quy định tại Điều 71 BLTTDS.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà L nộp đơn khởi kiện về "Tranh chấp ly hôn " với bị đơn là ông B, ngày 23/10/2018 Tòa án nhân dân huyện B thụ lý vụ án dân sự số 1284/2018/TLST-HNGĐ. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 147/2001, tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, thành phố H là có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà L ông B là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong các bản tự khai, bà L xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã kéo dài, tình cảm rạn nứt không thể hàn gắn. do ông B không chí thú làm ăn thường xuyên nghiện ngập ma túy và đã đi cai nghiện nhiều lần nhưng vẫn tái nghiện ,tại phiên tòa ông B cũng xác nhận nên xét yêu cầu của bà L xin ly hôn là có cơ sở chấp nhận. Về con chung : Có 01 con chung là Võ Huy Hòa, sinh ngày 01/3/2000 hiện đã trưởng thành; về tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có;

- Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu ly hôn theo đơn khởi kiện của bà L. Án phí bà L chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết:

- Xét nguyên đơn bà Văn Thị Kim L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Võ Huy B. Yêu cầu này được luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 điều chỉnh từ Điều 51 đến Điều 58. Xét bị đơn ông Võ Huy B cư trú tại ấp 3, xã B, huyện B,Thành phố H, căn cứ theo kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân xã B, huyện B,Thành phố H theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố H.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

- Xét yêu cầu ly hôn của bà Văn Thị Kim L được quy định tại các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân giữa bà Văn Thị

Kim L và ông Võ Huy B có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số Giấy chứng nhận kết hôn số Giấy chứng nhận kết hôn số 147/KH, quyển số 01/2001 ngày 10/09/2001 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, cấp nên là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Xét việc bị đơn ông Võ Huy B trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu ly hôn của bà L, thông báo về việc mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông B không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án, vì vậy Tòa án lập biên bản ghi nhận sự việc, tiến hành niêm yết các thủ tục thông báo về việc xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

- Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Võ Huy B có mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

[3.1]. Xét yêu cầu của bà Văn Thị Kim L về việc ly hôn với ông Võ Huy B là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ:

- Căn cứ vào đơn khởi kiện và phần trình bày của bà Văn Thị Kim L tại bản tự khai, biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như và tại phiên tòa hôm nay nhận thấy: Trong thời gian chung sống vợ chồng giữa bà L và ông B đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không hòa giải được và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, nguyên nhân do tính tình và quan điểm sống không hợp, ông B nghiện hút ma túy nhiều lần đi cai nghiện nhưng vẫn tái nghiện, hiện nay vợ chồng hiện đã ly thân được một thời gian dài và không ai còn quan tâm đến ai như vậy không còn khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ theo kết quả trả lời xác minh của Ủy ban nhân dân xã B về tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà L và ông B là có mâu thuẫn hiện vợ chồng đã ly thân, do đó bà L yêu cầu ly hôn là phù hợp với quy định tại các Điều 51, 53, 55, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Việc ông Võ Huy B có mặt tại phiên tòa xác nhận việc kết hôn và những vấn đề về việc ông nghiện hút ma túy là đúng sự thật, hiện vợ chồng đã ly thân một thời gian dài mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng ông B không đưa ra được hướng giải quyết những mâu thuẫn vợ chồng cụ thể, bản thân ông B bệnh hiện sống phụ thuộc vào sự chăm sóc của gia đình mẹ ruột, qua đó Hội đồng xét xử nhận thấy thực tế không còn khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng cần tạo điều kiện cho bà L được ổn định cuộc sống riêng nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu ly hôn của bà L.

[3.2]. - Xét con là Võ Huy Hòa, sinh ngày 01/03/2000, hiện đã trưởng thành. Nên Hội đồng xét xử không xét.

- Xét về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Bà L và ông B xác định không có nợ ai và không cho ai vay nợ.

[3.3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Văn Thị Kim L phải nộp án dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0006089,ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Chi cục thi hành án huyện B, Thành phố H.

[3.4]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 70, Điều 72 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 254, Điều 269 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 8, 9, 51, 53, 56, 57, 58, 73, 82, 83, 84 và Điều 107 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 48 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào Điều 26 luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử :

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Văn Thị Kim L được ly hôn với ông Võ Huy B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 147/KH, quyển số 01/2001 ngày 10/09/2001 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, thành phố H không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 01 con chung là Võ Huy Hòa, sinh ngày 01/03/2000, hiện đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Các bên thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), bà Văn Thị Kim L phải nộp án dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0006089,ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Chi cục thi hành án huyện B, Thành phố H. Bà L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về quyền kháng cáo: Bà Văn Thị Kim L và ông Võ Huy B có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi Nhận*:**
- TAND.TP H;
- VKSND H. B;
- CCTHA DS H. B;
- UBND xã B ;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Phước Trường